

MỘT SỐ KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN KHI HỌC TRỰC TUYẾN TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

(Nghiên cứu trường hợp đối với sinh viên ngành Công tác xã hội, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế)

Bùi Quang Dũng, Nguyễn Thị Hoài Phương, Trương Thị Xuân Nhi¹

¹ Khoa Xã hội học & Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Tóm tắt:

Kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (COVID-19) đã tác động rất mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Trong đó, giáo dục được xem là một trong những lĩnh vực chịu nhiều ảnh hưởng bởi nhiều trường học buộc phải đóng cửa để nhằm hạn chế tối đa sự lây lan của dịch bệnh. Trước những thách thức này, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế cũng đã triển khai học trực tuyến để kịp thời ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình triển khai hoạt động này, sinh viên vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn và rào cản. Qua cuộc khảo sát trực tuyến với 123 sinh viên tại Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ các yếu tố tâm lý, môi trường và phương tiện/thiết bị học tập được xem là những nguyên nhân chính khiến cho việc học trực tuyến của sinh viên gặp nhiều trở ngại. Do đó, dựa trên kết quả nghiên cứu này, bài viết sẽ đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm điều chỉnh việc dạy và học trực tuyến đạt được hiệu quả tốt hơn trong tương lai.

Từ khóa: Học tập trực tuyến, khó khăn, COVID-19, sinh viên Công tác xã hội

1. Đặt vấn đề

Kể từ khi COVID-19 bùng phát vào cuối tháng 12 năm 2019 đến nay, dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona (nCoV) (gọi tắt là Đại dịch COVID-19) đã tạo ra một bước ngoặt và sự thay đổi lớn trong đời sống kinh tế-xã hội ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong đó, giáo dục được xem là một trong những lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất. Theo tổ chức UNESCO, kể từ khi đại dịch bùng phát đến ngày 8/4/2020, trên thế giới có gần 1,6 tỉ học sinh và sinh viên bị ảnh hưởng; 188 quốc gia buộc phải đóng cửa các trường học trên toàn quốc, gây tác động đến 91.3% tổng số học sinh, sinh viên trên toàn thế giới [12].

Đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã trải qua 4 đợt bùng phát dịch bệnh COVID-19 ở hầu hết các tỉnh, thành trên cả nước. Giống như các quốc gia khác, đại dịch COVID-19 không chỉ tác động mạnh mẽ đến các hoạt động kinh tế-xã hội, mà còn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động giáo dục ở Việt Nam. Cụ thể, vào khoảng tháng 3 đến tháng 4 năm 2020 khi đợt dịch đầu tiên bùng phát trong nước, tất cả các trường học buộc phải đóng cửa và toàn bộ học sinh, sinh viên phải nghỉ học để phòng dịch theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Chính phủ. Theo thống kê đến tháng 4/2020, tất cả 63 tỉnh, thành đã cho học sinh, sinh viên nghỉ ở nhà [12]. Đến nay, do diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Chính phủ Việt Nam đã nhiều lần thực hiện các đợt giãn cách xã hội trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố hoặc thậm chí trên quy mô toàn quốc. Trong bối cảnh đó, nhằm phòng ngừa sự lây lan của dịch bệnh COVID-19; vừa duy trì chất lượng dạy học và hoàn thành chương trình đúng tiến độ, đảm bảo việc học tập của học sinh, sinh viên; nhiều trường học đã áp dụng việc dạy học bằng hình thức trực tuyến (online) đối với hầu hết các cấp học.

Thực tế cho thấy, việc chuyển đổi hình thức học tập truyền thống sang học tập trực tuyến đã tạo ra không ít những thách thức đối với sinh viên. Nghiên cứu của nhóm tác giả Đặng Thị Thúy Hiền, Trần Hữu Tuấn... về

các yếu tố rào cản trong việc học Online của sinh viên Khoa Du lịch – Đại học Huế đã chỉ ra một số khó khăn về không gian học tập cũng như các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến hiệu quả học tập của sinh viên. Cụ thể, có đến 64% sinh viên cho rằng không có không gian riêng tư để học tập trực tuyến và thường bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn 79,1%; 71% sinh viên nhận mạnh thường bị người nhà làm phiền và cảm thấy gò bó, không được đi lại chiếm tỉ lệ 73,7%. Cùng với đó, những yếu tố tâm lý như “Khó tập trung”, “Thiếu động lực” cũng là một trong những rào cản mà sinh viên gặp phải khi học tập trực tuyến [1]. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của tác giả Lữ Thị Mai Oanh, Nguyễn Thị Như Thúy đồng thời cho thấy quá trình tương tác giữa người dạy và người học cũng phần nào cho thấy sự ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Cụ thể, có tới 88,5% sinh viên cho rằng đúng một phần và hoàn toàn đúng với việc sinh viên và giảng viên khó tương tác, trao đổi và 73,3% sinh viên cho rằng thầy cô giáo dạy không thu hút, sinh động như dạy trực tiếp trên lớp truyền thống [2].

Học trực tuyến là một trong những mô hình học tập tiên tiến và phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới, tuy nhiên những khó khăn và rào cản của hình thức này vẫn còn rất hiện hữu. Chính vì điều này, nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện để xác định các yếu tố bất lợi nhằm khắc phục những rào cản, hướng tới việc cải thiện chất lượng học tập đối với hình thức đào tạo này. Theo Mungania, rào cản học trực tuyến là những trở ngại gặp phải trong quá trình học online (khi bắt đầu, trong quá trình và khi đã hoàn thành khóa đào tạo) có thể tác động tiêu cực đến trải nghiệm học tập của người học [7]. Như vậy, việc xác định những khó khăn và rào cản của sinh viên trong quá trình học trực tuyến là vô cùng cần thiết. Trong thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc học trực tuyến của người học. Chẳng hạn như nghiên cứu của Renu Balakrishnan và cộng sự đã chỉ ra 4 rào cản liên quan đến tâm lý, kinh tế, xã hội, kỹ thuật [8]. Trong khi đó, nghiên cứu của Wong đã đưa ra một số hạn chế của chương trình học đó là: “Hạn chế về công nghệ, các hạn chế liên quan đến cá nhân người học và các hạn chế khác. Đối với cá nhân người học, việc sử dụng các công nghệ mới có thể là một bất lợi hoặc rào cản trong chương trình học online [8]. Việc thiếu thông tin, kỹ năng giao tiếp và công nghệ có thể là rào cản đối với chương trình học online vì người học có thể cảm thấy thất vọng từ môi trường học tập độc đáo này”. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về những khó khăn và rào cản của việc học trực tuyến khá phổ biến, nhưng đặt trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 thì vẫn chưa có nhiều đề tài được triển khai thực hiện. Trong khi đó, dịch bệnh COVID-19 đang ở giai đoạn bùng phát mạnh mẽ và có thể khó kết thúc trong tương lai. Việc học trực tuyến có thể sẽ phải tiếp tục duy trì nhằm đảm bảo phòng chống dịch và duy trì việc dạy học, do vậy cần thiết phải có thêm các nghiên cứu liên quan tới việc học dạy học trực tuyến nhằm làm rõ bức tranh những thuận lợi và khó khăn của việc học trực tuyến và đề xuất các giải pháp để đảm bảo hiệu quả của việc dạy học trực tuyến tại các trường học. Trên cơ sở đó, bài viết này mong muốn góp phần làm rõ những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi học trực tuyến thông qua một nghiên cứu trường hợp của sinh viên ngành Công tác xã hội tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Qua đó, đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm đảm bảo chất lượng học tập của sinh viên khi học trực tuyến trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm thu thập các thông tin cho bài viết, nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát bằng hình thức online với sinh viên ngành Công tác xã hội đang học tập tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Nội dung phiếu khảo sát tập trung vào đặc điểm cá nhân của sinh viên, những khó khăn khi học trực tuyến và nhu cầu hỗ trợ của sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả học trực tuyến trong thời gian tới. Chúng tôi đã gửi link phiếu khảo sát đến toàn thể sinh viên ngành Công tác xã hội qua Facebook các lớp và kết quả có 123 sinh viên tham gia khảo sát.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích tài liệu từ các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín và thu thập dữ liệu thứ cấp về sinh viên từ Phòng Đào tạo Đại học và Công tác sinh viên.

Các dữ liệu thu thập từ khảo sát được xử lý bằng phần mềm Excell với phương pháp thống kê mô tả đơn giản. Các dữ liệu thu thập từ phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng để trình bày tổng quan về chủ đề và sử dụng linh hoạt trong quá trình phân tích trong bài viết.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm mẫu điều tra

Tính đến thời điểm hiện tại (tháng 6/2021), tổng số sinh viên ngành Công tác xã hội là 166. Trong đó, sinh viên lớp Công tác xã hội (CTXH) K41 là 76 sinh viên, sinh viên lớp CTXH K42 là 43 sinh viên, CTXH K43 là 23 sinh viên và CTXH K44 là 21 sinh viên. Tuy nhiên, trong đợt khảo sát lần này, số sinh viên đồng ý tham gia khảo sát là 123 sinh viên (chiếm 74,1%) và tỷ lệ sinh viên các khóa tham gia trả lời khảo sát được thể hiện rõ Bảng 1.

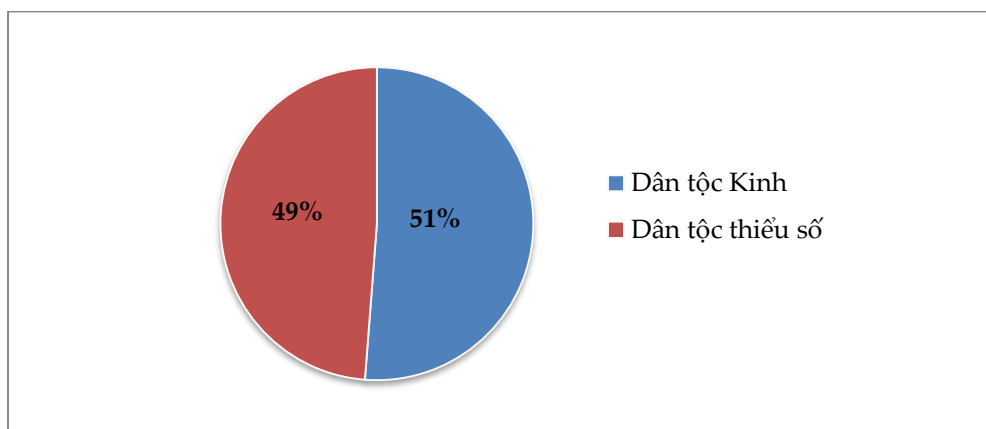
Bảng 1. Sinh viên ngành Công tác xã hội

Khóa học	Tổng số sinh viên	Sinh viên tham gia khảo sát	
		Số lượng	Tỷ lệ
CTXH K41	76	51	67%
CTXH K42	43	33	77%
CTXH K43	23	17	74%
CTXH K44	24	22	92%
Tổng cộng	166	123	74,1%

Nguồn: Phòng Đào tạo Đại học và Công tác sinh viên & Khảo sát (2021)

Thực tế cho thấy, sinh viên ngành Công tác xã hội tại trường Đại học Khoa học là nhóm sinh viên có nhiều nét đặc thù hơn so với sinh viên toàn trường. Cụ thể, sinh viên thuộc nhóm dân tộc thiểu số đến từ vùng sâu vùng xa chiếm tỷ lệ khá cao. Theo kết quả khảo sát, số lượng sinh viên là dân tộc thiểu số tham gia cuộc khảo sát lần này chiếm đến 49% so với sinh viên dân tộc Kinh. Xét về điều kiện học tập và khả năng tiếp cận, sử dụng thiết bị, công nghệ, rõ ràng sinh viên ở vùng dân tộc thiểu số còn gặp phải nhiều hạn chế và rào cản. Do đó, đây được xem là một trong những khía cạnh cần được quan tâm và nghiên cứu trong quá trình triển khai hoạt động dạy học trực tuyến.

Biểu đồ 1. Dân tộc



Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát, tháng 6/ 2021

3.2. Thực trạng học tập trực tuyến của sinh viên

Kể từ khi dịch COVID-19 bùng phát cho đến nay, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế - là một trong những cơ sở giáo dục đầu tiên ở Việt Nam triển khai hình thức đào tạo trực tuyến nhằm góp phần thực hiện kế

hoạch đào tạo Đại học đúng tiến độ và đảm bảo các biện pháp an toàn phòng chống dịch bệnh. Từ tháng 03 năm 2020 đến nay, với diễn biến phức tạp của dịch bệnh cũng như thực hiện chỉ đạo chung về việc phòng, chống dịch COVID-19, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đã tổ chức 4 đợt học trực tuyến cho sinh viên.

Bảng 3. Thời gian dạy học trực tuyến

Năm học	Thời gian
2019 – 2020	Đợt 1: Từ ngày 23/03/2020 đến 03/05/2020
2020 – 2021	Đợt 2: Từ ngày 14/09/2020 đến ngày 26/09/2020
	Đợt 3: Từ ngày 22/02/2021 đến ngày 14/03/2021
	Đợt 4: từ ngày 04/05/2021 đến kết thúc học kỳ năm 2021

Nguồn: Tổng hợp thông tin từ Phòng Đào tạo Đại học và Công tác học sinh-sinh viên, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Trong năm học 2020-2021, việc học trực tuyến của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế được thực hiện bằng phần mềm Google Meet để giảng viên và sinh viên có thể triển khai hoạt động học tập trực tuyến theo thời khóa biểu được bố trí trong lịch trình học tập trên trang thông tin điện tử đào tạo đại học. Ngoài ra, với ứng dụng Google Calendar (<https://calendar.google.com>), giảng viên có thể lập lịch dạy trong quá trình đào tạo trực tuyến. Để thuận tiện cho việc tổ chức hoạt động đào tạo trực tuyến, nhà trường đã nhanh chóng sử dụng dịch vụ G-Suite cung cấp tài khoản cá nhân cho sinh viên thông qua địa chỉ email có tên miền @husc.edu.vn [12]. Việc sử dụng tài khoản của nhà trường cung cấp giúp cho giảng viên và sinh viên có thể đăng nhập vào các hệ thống hỗ trợ đào tạo trực tuyến một cách đồng bộ và có kiểm soát, tạo thuận lợi cho công tác quản lý dạy-học trực tuyến.

Là chủ thể của quá trình học tập, việc chuyển đổi từ hình thức học tập truyền thống sang học tập trực tuyến đặt ra cho sinh viên những thay đổi cần thiết để đảm bảo hoạt động trực tiếp được diễn ra đúng yêu cầu. Theo đó, sinh viên cũng đã có những thích nghi nhất định trong việc sử dụng các phương tiện/thiết bị học tập trực tuyến. Theo kết quả điều tra nghiên cứu được thể hiện rõ ở biểu đồ 2, điện thoại di động được xem là thiết bị học tập trực tuyến được sử dụng rộng rãi và phổ biến hơn cả (chiếm 71%) vì tính tiện lợi của nó. Một số công trình nghiên cứu khác cũng đã cho thấy sự thuận tiện của việc lựa chọn điện thoại di động như là thiết bị hỗ trợ học tập trực tuyến. Theo Elizabeth & Casey (2013), “điện thoại thông minh làm cho việc học tập thuận tiện hơn, cho phép sinh viên học bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào”[4]. Bên cạnh đó, Lusekelo & Juma (2015), điện thoại thông minh là một thiết bị có tính năng của cả máy tính và điện thoại di động. Nó có hệ điều hành và có thể cài đặt các ứng dụng, hoạt động như các máy tính, có khả năng truy cập internet và giải trí ở bất kỳ nơi nào [5].

Bảng 2. Thiết bị sử dụng học tập

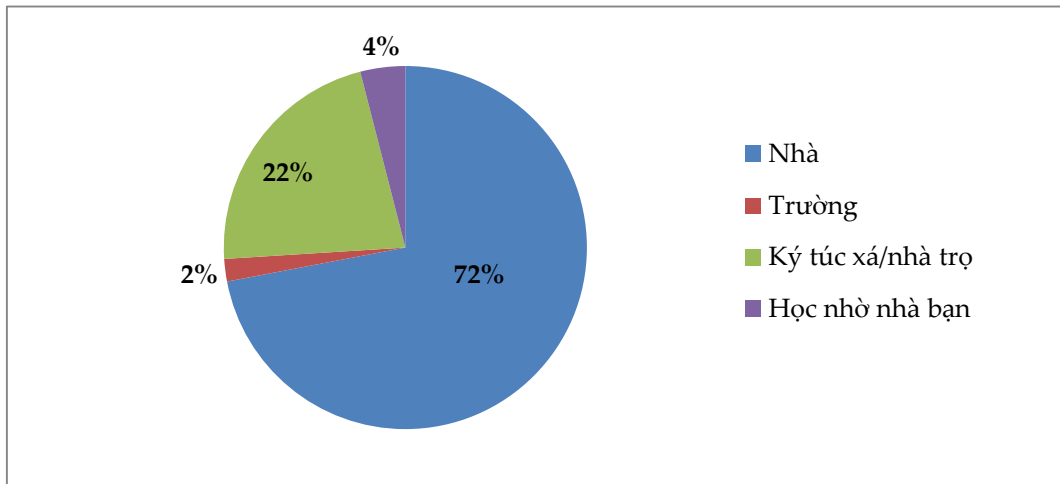
Thiết bị	Số lượng	Tỷ lệ
Điện thoại	87	71%
Laptop	35	28%
Máy tính	1	1%

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát, tháng 6/ 2021

Thực tế cho thấy, mặc dù điện thoại di động được sử dụng khá phổ biến trong quá trình học tập trực tuyến hiện nay do tính tiện lợi của nó, nhưng so với laptop hay máy tính bàn thì mức độ hiệu quả vẫn còn là vấn đề cần được quan tâm và xem xét cụ thể hơn. Qua bảng 2, có thể thấy, sinh viên có khuynh hướng ưu tiên lựa chọn điện thoại di động để học tập trực tuyến và chiếm tỷ lệ 71%.

Trong quá trình dạy học trực tuyến, địa điểm học tập được xem là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng học tập của sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy rằng, đa phần sinh viên trải qua hoạt động học tập trực tuyến tại gia đình (chiếm 72%). Tuy nhiên, đáng chú ý là 4% sinh viên vẫn phải học nhờ nhà bạn do thiếu phương tiện học tập, thiết bị kết nối hoặc có vấn đề về đường truyền mạng.

Biểu đồ 2. Địa điểm học tập trực tuyến



Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát, tháng 6/ 2021

Nhìn chung, qua các đợt triển khai học tập trực tuyến tại trường Đại học Khoa học trong thời gian từ năm 2020 đến nay, hầu hết sinh viên đã dần thích nghi với hình thức học trực tuyến. Tuy nhiên, qua quá trình khảo sát, nhiều sinh viên vẫn cho rằng bản thân còn gặp phải một số khó khăn và rào cản nhất định trong quá trình học tập trực tuyến xuất phát từ chủ thể là người học và các tác động từ môi trường bên ngoài.

3.3. Một số khó khăn và rào cản của sinh viên trong việc học tập trực tuyến

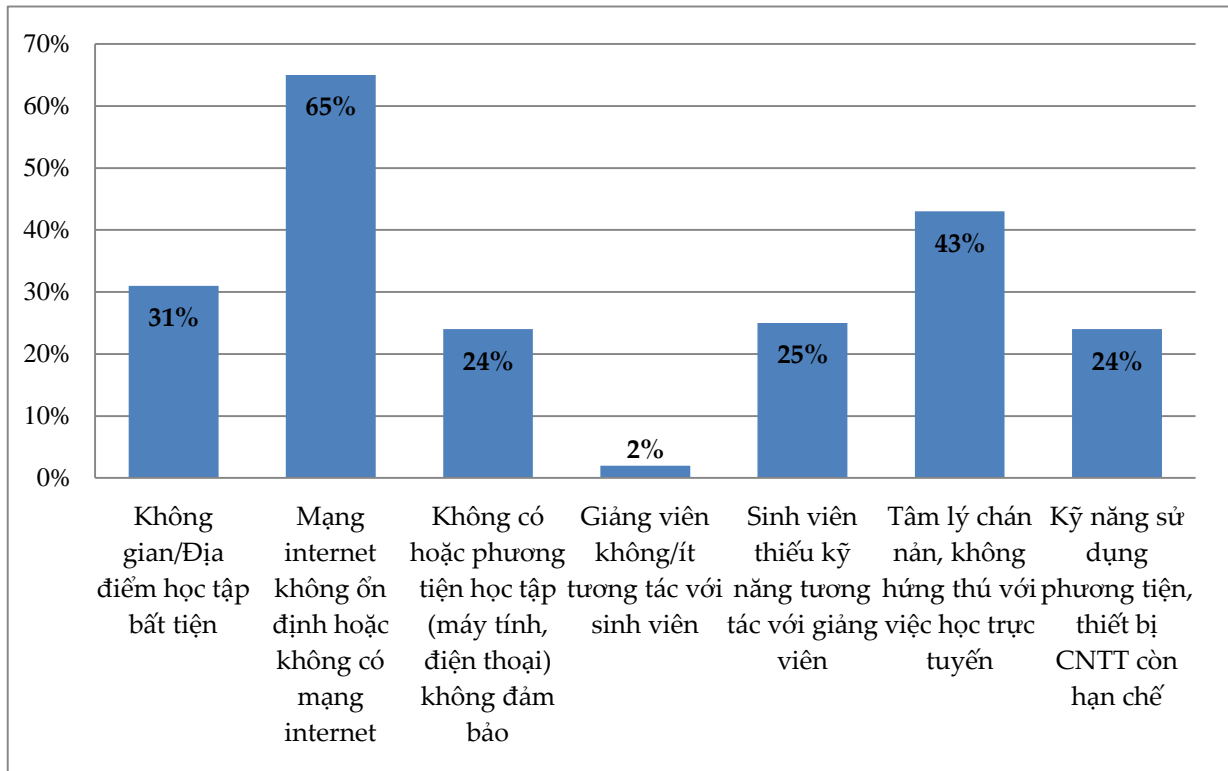
Trong quá trình khảo sát thực tế, có thể thấy, mặc dù đã có sự chuẩn bị và thích nghi kịp thời, song hoạt động đào tạo trực tuyến vẫn đặt ra một số khó khăn đối với sinh viên do các yếu tố chủ quan và khách quan gây ra.

Yếu tố chủ quan:

Để tham gia lớp học trực tuyến một cách hiệu quả, sinh viên cần có một mức độ thành thạo công nghệ nhất định và phương pháp học tập phù hợp để tham gia vào các lớp học và tương tác trên không gian mạng. Trong các lớp học truyền thống, quá trình truyền đạt và tiếp nhận thông tin được diễn ra trực tiếp và nhanh chóng, sinh viên có thể trực tiếp phản hồi và nêu ý kiến. Sự tương tác trực tiếp này giúp quá trình học tập dễ dàng hơn, phong phú và dễ tiếp thu hơn. Tuy nhiên, khi chuyển đổi hoàn toàn sang hình thức học trực tuyến đã khiến cho người học gặp nhiều khó khăn do thiếu một số kỹ năng cần thiết trong học tập và kết quả khảo sát (biểu đồ 3) đã cho thấy rõ điều này. Cụ thể, 25% sinh viên cho rằng bản thân thiếu kỹ năng tương tác với giảng viên và kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế chiếm 24%. Đáng chú ý, tỷ lệ sinh viên có tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học trực tuyến chiếm đến 43%. Có thể nói, trạng thái tinh

thần của sinh viên trong quá trình học cũng phản ánh hiệu quả học tập trực tuyến. Việc học trực tuyến trong thời gian dài, sinh viên phải dành nhiều thời gian trước màn hình máy tính, thiếu giao tiếp giữa giảng viên với sinh viên, dẫn đến tâm lý mệt mỏi của phần lớn sinh viên. Do đó, việc sinh viên cảm thấy chán nản, không hứng thú là một trong những nhược điểm lớn nhất của người học trực tuyến. Việc thiếu các mối quan hệ trực tiếp ngăn cản sự tương tác trong quá trình học và có thể khiến sinh viên cảm thấy thiếu động lực học tập. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng học tập của sinh viên, bởi vì tâm lý được xem là yếu tố cốt lõi và đóng vai trò rất quan trọng quyết định đến hiệu quả học tập. Do đó, yếu tố tâm lý của người học cần được xem xét và chú ý hơn trong thời gian tới.

Biểu đồ 3. Một số khó khăn của sinh viên đối với việc học trực tuyến



Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát, tháng 6/ 2021

Yếu tố khách quan:

Theo kết quả khảo sát ở biểu đồ 3 cho thấy, các thiết bị và không gian hỗ trợ học tập được xem là một trong những khó khăn lớn nhất của sinh viên trong học tập trực tuyến. Trong đó, việc đường truyền mạng và kết nối internet không ổn định là khó khăn của hầu hết sinh viên tham gia khảo sát (chiếm 65%). Đối với sinh viên khi tham gia học tập trực tuyến, một kết nối internet đáng tin cậy là điều kiện tiên quyết đối với việc học của bản thân. Việc đường truyền internet yếu có thể ảnh hưởng đến rất lớn đến việc theo dõi và tiếp thu kiến thức của sinh viên trong các buổi học. Bên cạnh đó, những khó khăn khác về điều kiện học tập như không gian địa điểm học tập bất lợi với tỷ lệ 31%; cũng như việc không có hoặc phương tiện học tập không đảm bảo đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình học tập trực tuyến của sinh viên (chiếm 24%). Ngoài ra, khi học tập tại nhà, có đến 29% sinh viên nhận định rằng: “Bản thân bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn xung quanh trong quá trình học trực tuyến”. Ý kiến của một sinh viên cho rằng: “Hiện tại, bản thân em cảm thấy việc học Online cũng không khó khăn lắm ngoại trừ việc là môi trường xung quanh nhà em có nhiều lúc hơi ồn vì chỗ em ở hơi đặc biệt là chuyên bán, sửa chữa đồ

điện tử nên thường xuyên sửa loa, thử nhạc, đài phát thanh phát thông báo,... Nên có nhiều lúc em muốn tương tác qua tin nhắn."

Như vậy, có thể thấy rằng, sinh viên hiện đang chịu nhiều yếu tố tác động chủ quan lẫn khách quan, ảnh hưởng đến hoạt động học tập trực tuyến của bản thân. Tuy nhiên, nhìn chung, nguyên nhân chính được chỉ ra là do vấn đề kết nối internet, kỹ năng học tập và một số biểu hiện liên quan đến yếu tố tâm lý trong quá trình học tập của sinh viên. Do đó, việc đề xuất các hướng giải pháp hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập trực tuyến là cần thiết trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp như hiện nay.

4. Kết luận

Trong thời gian qua, đại dịch COVID-19 đã gây ra tác động rất lớn đối với giáo dục Đại học bởi quá trình chuyển đổi gần như hoàn toàn từ hình thức đào tạo trực tiếp sang trực tuyến. Đây được xem là biện pháp kịp thời ứng phó và khắc phục những gián đoạn cho ngành giáo dục trong bối cảnh dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp như hiện nay. Rõ ràng, trong tương lai, khi việc dạy học trực tuyến được công nhận, điều này đồng nghĩa với việc phải tính đến các giải pháp và kế hoạch dài hạn nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng và hiệu quả dạy học. Do đó, việc xác định những khó khăn và rào cản của người học trong quá trình học trực tuyến được xem là cần thiết để có thể giảm thiểu những tác động tiêu cực và nâng cao chất lượng học tập trực tuyến trong tương lai. Từ kết quả khảo sát thực tế về những khó khăn và rào cản mà sinh viên đang gặp phải hiện nay, bài viết đề xuất một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, để khắc phục những khó khăn trong quá trình học trực tuyến, nhà trường cần có những chính sách hoặc hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên kịp thời nhằm đảm bảo việc học của sinh viên không bị gián đoạn, đặc biệt là những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và/hoặc sống ở khu vực vùng sâu vùng xa khó tiếp cận và kết nối với mạng internet.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả của giáo dục trực tuyến bằng cách thay đổi trong phương thức giảng dạy, khả năng tiếp cận công nghệ của giảng viên và năng lực quản lý, lãnh đạo của nhà trường. Từ những bất cập trong quá trình tương tác giữa giảng viên và sinh viên, các cơ sở giáo dục cần quan tâm và tổ chức các đợt tập huấn đổi mới phương thức giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy học trong tương lai.

Thứ ba, nhà trường cần quan tâm đến việc trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác và sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ hoạt động học tập.

Thứ tư, giảng viên cần tăng cường tương tác và trao đổi với sinh viên để tạo tâm lý thoải mái và cảm giác thích thú cho người học. Nghĩa là, giảng viên cần đa dạng hóa các hình thức giảng dạy và lồng ghép nhiều hoạt động trong chương trình giảng dạy để tạo hứng thú học tập của sinh viên, tạo môi trường cho sinh viên trình bày và chia sẻ quan điểm của bản thân.

Trong phạm vi nghiên cứu đề tài lần này, nhóm tác giả chỉ mới dừng lại ở việc mô tả và chỉ ra những khó khăn, rào cản của sinh viên ngành Công tác xã hội tại trường Đại học Khoa học trong quá trình học trực tuyến trong thời gian qua. Với kết quả khảo sát ban đầu, có thể nhận định rằng, sinh viên đã và đang phải đối mặt với một số rào cản khi phải chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến. Do đó, với những hạn chế về khách thể và địa bàn nghiên cứu trong đề tài lần này, những nghiên cứu khác có thể kế thừa và phát triển theo những hướng nghiên cứu mới với nhóm khách thể mang tính phổ quát hơn. Đồng thời, phân tích sâu hơn về những yếu tố rào cản ảnh hưởng đến chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên; từ đó, đề xuất các giải pháp mang tính thiết thực nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học trực tuyến trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- [1]. Đặng Thị Thúy Hiền, Trần Hữu Tuấn, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Đoàn Lê Diễm Hằng, Nguyễn Thị Phương Thảo. (2020). Các yếu tố rào cản trong việc học Online của sinh viên Khoa Du lịch – Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển*.
- [2]. Lữ Thị Mai Oanh, Nguyễn Thị Như Thúy. (2020). Đánh giá hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh covid 19. *Tạp chí khoa học*, 92-101.
- [3]. Ngô Thị Lan Anh - Hoàng Minh Đức. (2020). Đào tạo trực tuyến trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng. *Tạp chí công thương*.

Tài liệu tiếng Anh

- [4]. International Commission on the Futures of Education . (2020). *Education in a post-COVID world: nine ideas for public action*.
- [5]. Jessica L. Buck & Elizabeth McInnis & Casey Randolph. (2013). The New Frontier of Education: The Impact of Smartphone Technology in Classroom,. *ASEE Southeast Section Conference*.
- [6]. Lusekelo Kibona & Juma Mdimu Rugina. (2015). A Review on the Impact of Smartphones on Academic Performance of Students in Higher Learning Institutions in Tanzania, , V. *Journal of Multidisciplinary Engineering Science and Technology (JMEST)*.
- [7]. Mungania, P. (2004). *Employees' perceptions of barriers in e-Learning: the relationship*.
- [8]. Renu Balakrishnan, Monika Wason, R.N. Padaria, Premlata Singh and Eldho Varghese. (2014). An Analysis of Constraints in E-Learning and Strategies for Promoting E-Learning among Farmers. *Economic Affairs*, 727-734.
- [9]. Wong, D. (2006). A critical literature review on e-learning limitations. *Journal for the Advancement of Science and Arts*, 55-62.

Website

- [10]. Bích Hà. (2020). Truy cập ngày 06 20, 2021, from laodong.vn: <https://laodong.vn/giao-duc/day-va-hoc-truc-tuyen--can-no-luc-cua-thay-y-thuc-cua-tro-797704.lido>
- [11]. Bộ Y tế. (2021). *Trang tin về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19*. Truy cập ngày 17 tháng 6, 2021, <https://ncov.moh.gov.vn/>
- [12]. Dương Kim Anh. (2020, 04 15). Retrieved 06 20, 2021, <https://vietnam.fes.de/post/viet-nam-covid-19-va-thach-thuc-doi-voi-nganh-giao-duc>
- [13]. Phương Hà. (2021, 01 10). *Khoa học phát triển*. Retrieved 06 20, 2021, from <https://khoa hocphattrien.vn/chinh-sach/sinh-vien-hoc-truc-tuyen-nhung-yeu-to-anh-huong-den-nhan-thuc-va-thai-do/2021010811419695p1c785.htm>
- [14]. Trường Đại học Khoa học. (2020, 03 17). *Trang thông tin đào tạo Đại học*. Retrieved 06 15, 2021, from <https://ums.husc.edu.vn/>

THÔNG TIN NHÓM TÁC GIẢ

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Nơi công tác:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Tác giả liên hệ: